

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 27/2018/HSST
Ngày 29/5/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Lê Kiên Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Tuấn- Phó Hiệu T2 trường THPT Bắc Đông Quan.

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương- Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc thị trấn Đông Hung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Ngọc Tùng— Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hung.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hung tham gia phiên tòa: Ông Vũ Minh Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2018/HSST ngày 18 tháng 4 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T1, sinh ngày 26/3/1992 tại Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn L, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn M, sinh năm 1968 (đã chết) và bà Đào Thị P, sinh năm 1964; Nhân thân: Bản án số 111/2011/HSST ngày 03/8/2011 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/5/2012, thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 14/12/2011; Bản án số 66/2018/HSST ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tính từ ngày 15/01/2018 (hành vi trộm cắp tài sản ngày 15/01/2018); Bản án số 34/2018/HSST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tính từ ngày 15/01/2018 (hành vi trộm cắp tài sản ngày 05/5/2016); bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình (có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:**

Cháu Đặng Văn T2, sinh ngày 20/7/2002; nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp và là Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho cháu Đặng Văn T2: Ông Đặng Tiến Q, sinh năm 1977 (bố đẻ cháu T2); nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Bùi Tiến H, sinh năm 1956; nơi cư trú: phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

*** Người làm chứng:**

Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn L, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 01/9/2017, Nguyễn Văn T1 đi bộ lang thang từ nhà đến đường 39 thuộc địa phận xã Đ, thành phố T rồi đi vào đường trục xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình với mục đích xem có gia đình nào thiếu cảnh giác, có sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi T1 đi đến thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình thì phát hiện thấy nhà ông Đặng Tiến Q không có cổng. T1 đi vào gian nhà nuôi lợn thì thấy 01 chiếc xe máy điện sơn màu đen, nhãn hiệu MYOKO, biển số 17MĐ3- 062.02 của cháu Đặng Văn T2, sinh ngày 20/7/2002 (cháu T2 là con ông Q1) vẫn cắm chìa khóa tại ổ điện của xe máy điện. T1 gạt nhẹ chân chống giữa rồi dắt chiếc xe máy điện ra khỏi nhà ông Q được khoảng 20 mét thì dừng lại rồi mở cốp xe ra xem thì thấy trong có 01 giấy đăng ký xe máy điện mang tên Đặng Văn T2, sau đó T1 tiếp tục điều khiển xe máy điện trộm cắp được về đến khu vực Quảng trường, Bảo tàng thành phố Thái Bình và vào nằm ngủ tại ghế đá của Quảng trường. Đến 06 giờ ngày 02/9/2017, T1 điều khiển xe máy điện trộm cắp được vào quán Internet tại đường L chơi game đến khoảng 18 giờ cùng ngày. Do hết tiền chơi game nên T1 gọi điện thoại cho anh trai là Nguyễn Văn C nhờ anh C cầm chứng minh thư nhân dân của anh C để T1 cầm cố chiếc xe máy điện. Sau đó T1 điều khiển xe máy điện trộm cắp được của cháu T2 đến khu vực đèn xanh đỏ sát Quảng trường chờ anh C. Khoảng 30 phút sau, anh C điều khiển xe mô tô của anh C đến và gặp T1. Tại đây, T1 nói với anh C “Cho em mượn chứng minh thư nhân dân để em cầm cố chiếc xe máy điện này”, anh C hỏi T1 “Xe máy điện ở đâu? Mượn của ai?”, T1 trả

lời “Em mượn của bạn”, anh C nói “Lần trước anh cầm đồ vẫn để chứng minh thư tại quán của chú H đường H, thành phố Thái Bình”, sau đó T1 cùng anh C đi đến quán cầm đồ của ông H. Khi đến quán cầm đồ của ông H, T1 vào trong quán còn anh C đứng ở cửa quán, T1 gặp ông H nói “Chú cho cháu cầm chiếc xe máy điện này lấy 8.000.000 đồng”, ông H nói “Tao cầm xe này 4.000.000 đồng thôi”, T1 đồng ý cầm xe với giá 4.000.000 đồng, đồng thời mở cốp xe lấy đăng ký xe và đọc luôn tên là Đặng Văn T2 cho ông H ghi vào hợp đồng cầm đồ và ký tên Đặng Văn T2, ông H hỏi T1 “Chứng minh thư nhân dân đâu” thì T1 trả lời “Lần trước, anh C cầm xe còn để chứng minh thư ở đây”, ông H giở sổ cầm đồ ra và tìm thấy chứng minh thư nhân dân của anh C thì quay ra nói với anh C “Mày làm chứng cho chú nhé”, anh C trả lời “Vâng”, sau đó ông H đưa cho T1 4.000.000 đồng, sau khi cầm cố được xe máy điện anh C đi về nhà còn T1 tiếp tục đi chơi game và tiêu xài hết số tiền trên và sống lang thang ở thành phố Thái Bình. Đến ngày 15/01/2018, T1 bị Công an tỉnh Thái Bình bắt theo quyết định truy nã của Công an huyện V, tỉnh Thái Bình.

Bản kết luận định giá tài sản số 163 ngày 08/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình kết luận: “01 chiếc xe máy điện sơn màu đen, nhãn hiệu MYOKO, biển số 17MĐ3-062.02 trị giá 13.365.000 đồng”

Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị hại: Cháu Đặng Văn T2 đã được nhận lại chiếc xe máy điện nhãn hiệu MYOKO, biển số 17MĐ3- 062.02 và giấy đăng ký xe trong tình trạng tài sản còn nguyên vẹn. Cháu T2 cùng ông Đặng Tiến Q (người đại diện hợp pháp và là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu T2) không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Tiến H trình bày: Khi cầm cố chiếc xe máy điện nhãn hiệu MYOKO, biển số 17MĐ3- 062.02 cho Thành với giá 4.000.000 đồng, ông không biết đó là tài sản do T1 phạm tội mà có. Ông đã nộp lại chiếc xe máy điện trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng để trả cho bị hại. Ông yêu cầu T1 phải hoàn trả cho ông số tiền 4.000.000 đồng.

Người làm chứng anh Nguyễn Văn C khai: Sáng ngày 02/9/2017 anh có cho Nguyễn Văn T1 mượn chứng minh thư nhân dân của anh để T1 cầm cố chiếc xe máy điện nhãn hiệu MYOKO, biển số 17MĐ3- 062.02 tại quán cầm đồ của ông Bùi Tiến H. Anh không biết chiếc xe máy điện đó do T1 phạm tội mà có.

Bản cáo trạng số 27/CT-VKSDH ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng truy tố bị cáo Nguyễn Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 45; khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 01 năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 66/2018/HSST ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 585, Điều 586 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo phải hoàn trả cho ông Bùi Tiến H số tiền 4.000.000 đồng.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của bản thân và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của Nguyễn Văn T1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội

đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: T1 là người có năng lực trách nhiệm hình sự; khoảng 23 giờ 30 phút ngày 01/9/2017 lợi dụng việc gia đình ông Q để tài sản sơ hở, T1 đã lén lút đột nhập vào gia đình ông Q chiếm đoạt của cháu Đặng Văn T2 (con trai ông Q) 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu MYOKO, biển số 17MĐ3- 062.02 trị giá 13.365.000 đồng, sau đó đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của Nguyễn Văn T1 đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố.

Điều 138: Bộ luật hình sự. Tội "Trộm cắp tài sản" quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

...

5. người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng.

[3] Về điều luật áp dụng: Thời điểm xét xử bị cáo Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật, nhưng các căn cứ quy định về tội danh, định khung hình phạt đối với tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 không có gì khác so với quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, do đó Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xét xử và quyết định mức hình phạt đối với bị cáo; các quy định về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 có những tình tiết có lợi cho bị cáo hơn so với những quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999, do đó cần áp dụng quy định về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng và các vấn đề khác theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 là phù hợp với quy định tại Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về hiệu lực của Bộ luật Hình sự về thời gian.

[4] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, làm cho chủ sở hữu tài sản không yên tâm trong việc quản lý tài sản của mình. Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2011 đã bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình kết án về tội “Cưỡng đoạt tài sản” nhưng không lấy đó làm bài học cải tạo cho bản thân; muốn có tiền tiêu xài cá nhân nhưng không chịu lao động nên đã dấn thân vào con đường phạm tội. Hậu quả mà bị cáo gây ra phải chịu sự trừng trị của pháp luật.

[5] Khi quyết định hình phạt, xét thấy:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt tương xứng để cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện và có tác dụng chung trong việc đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

Do bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đồng thời áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 để tổng hợp với hình phạt 01 năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 66/2018/HSST ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Chiếc xe máy điện nhãn hiệu MYOKO, biển số 17MĐ3- 062.02 là tài sản hợp pháp của cháu Đặng Văn T2. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho cháu T2 là đúng pháp luật.

- Khi cầm cố chiếc xe máy điện nhãn hiệu MYOKO, biển số 17MĐ3- 062.02 cho Thành, ông Bùi Tiến H không biết đó là tài sản do T1 phạm tội mà có; chiếc xe máy điện trên đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Vì vậy cần buộc T1 phải hoàn trả cho ông H số tiền 4.000.000 đồng ông H đã bỏ ra nhận cầm cố xe cho T1.

[8] Trong vụ án này: Anh Nguyễn Văn C cho Nguyễn Văn T1 mượn chứng minh thư nhân dân để T1 cầm cố chiếc xe máy điện nhãn hiệu MYOKO, biển số 17MĐ3- 062.02 tại quán cầm đồ của ông Bùi Tiến H. Anh C và ông H đều không biết chiếc xe máy điện đó do T1 phạm tội mà có; vì vậy không có căn cứ để xử lý hình sự đối với anh C và ông H.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; đại diện hợp pháp cho bị hại; người bảo vệ quyền lợi ích pháp cho bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Điều 7; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; khoản 1 Điều 56; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Văn T1 01 năm 06 tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 01 năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 66/2018/HSST ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; buộc Nguyễn Văn T1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/01/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 468, 579, 584, 585 Bộ luật Dân sự.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe máy điện nhãn hiệu MYOKO, biển số 17MĐ3- 062.02 cho cháu Đặng Văn T2, sinh ngày 20/7/2002; nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

- Buộc Nguyễn Văn T1 phải hoàn trả cho ông Bùi Tiến H, sinh năm 1956; nơi cư trú: phường L, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình số tiền 4.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí : Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Bị cáo Nguyễn Văn T1 phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án . Bị hại; người đại diện hợp pháp cho bị hại và là người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND H.Đông Hưng;*
- *Chi cục THADS H.Đông Hưng;*
- *Công an H.Đông Hưng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, cơ quan.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Kiên Trung